

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3542 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 30 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của
Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số
33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ
Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4
năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị
định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố và
Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2687/TTr-SNV ngày 28 tháng 9 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Cần Thơ, đã được Đại hội đại biểu nhiệm kỳ VI (2022 - 2027) của Hội thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2022 (Đính kèm Điều lệ).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Hội Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Cần Thơ và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND TP;
- VP. UBND TP (3BC);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, H

CVD 22280

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hà

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 30. tháng 9 năm 2022*
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Cần Thơ.
2. Tên viết tắt: Hội KHXH&NV TPCT.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội KHXH&NV TPCT (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng và phổ biến Khoa học Xã hội và Nhân văn tự nguyện thành lập.

2. Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, đường lối của Đảng, luật pháp của Nhà nước, góp phần vận dụng phù hợp, sáng tạo phát triển thành phố Cần Thơ, đồng thời ứng dụng, phổ biến KHXH&NV; nâng cao chất lượng giảng dạy, phát hiện và bồi dưỡng những người có năng khiếu và yêu cầu về KHXH&NV; góp phần xây dựng, phát triển lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn và nghiên cứu khoa học liên ngành.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng và trang thông tin điện tử; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định pháp luật.

Hội là thành viên tự nguyện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ và của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật thành phố Cần Thơ.

3. Trụ sở của Hội: Mượn đặt tại 11/2 đường Trần Bình Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

Hội có phạm vi hoạt động chủ yếu trên thành phố Cần Thơ và có mối quan hệ với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn và nghiên cứu khoa học trên các lĩnh vực có liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ tập trung, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích và hoạt động của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu theo đề nghị của cơ quan nhà nước.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Tập hợp, đoàn kết đội ngũ cán bộ nghiên cứu và hoạt động thực tiễn trên lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn trong thành phố Cần Thơ, để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nghiệp vụ cung cấp thông tin, nâng cao kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn cho hội viên, góp phần xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ, nước Việt Nam nói chung.

2. Thực hiện nhiệm vụ tư vấn, phản biện, giám định xã hội, góp phần vào việc xây dựng cơ chế chính sách phát triển kinh tế xã hội của thành phố Cần Thơ. Kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học; phổ biến, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào cuộc sống.

4. Đề cử những hội viên có năng lực vào các tổ chức nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng và phổ biến khoa học xã hội của thành phố Cần Thơ.

5. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt.

6. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

7. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

8. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

9. Hàng năm, Hội thực hiện chế độ thông tin báo cáo về tình hình tổ chức, kết quả hoạt động của Hội với Ủy ban nhân dân thành phố, (qua Sở Nội vụ) và Sở Khoa học và Công nghệ các Sở, ban, ngành có liên quan; đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định; đồng thời công khai trong Hội.

10. Thực hiện theo quy định Nhà nước về lập, lưu giữ và quản lý hồ sơ, tài liệu của Hội.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III **HỘI VIÊN**

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội là công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn và nghiên cứu khoa học liên ngành, có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này có thể trở thành hội viên của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên: Mọi công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên; tán thành Điều lệ của Hội; Có trình độ chuyên môn về khoa học xã hội và các ngành khoa học khác, đã và đang làm việc, nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội hoặc các ngành khoa học có liên quan.

3. Hội viên là người có đơn tự nguyện đăng ký gia nhập Hội, được Thường trực Hội Khoa học xã hội và Nhân văn chấp thuận và phân công sinh hoạt.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được cấp thẻ hội viên.
3. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
4. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
5. Được Hội giúp đỡ thực hiện những công trình nghiên cứu và ứng dụng khoa học phục vụ sản xuất và đời sống. Được ưu tiên công bố những kết quả nghiên cứu và ứng dụng trên Website của Hội.
6. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.
7. Được giới thiệu hội viên mới.
8. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
9. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
10. Được hưởng những quyền lợi khác do Hội quy định.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng phát triển Hội vững mạnh.
3. Tích cực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đem kiến thức của mình phục vụ cho sự phát triển của Hội và của thành phố Cần Thơ.
4. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
6. Đóng hội phí theo quy định của Hội.
7. Mở rộng ảnh hưởng và uy tín của Hội, vận động quần chúng hưởng ứng mọi hoạt động của Hội và phục vụ lợi ích của nhân dân ngày càng tốt hơn.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

1. Việc kết nạp hội viên phải đúng thủ tục, đúng nguyên tắc, đồng thời phải bảo đảm yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn của hội viên. Người xin vào Hội phải hoàn thành các thủ tục như sau:
 - a) Đơn tự nguyện xin vào Hội (theo mẫu 1);
 - b) Được người trong Hội giới thiệu thông qua Chi hội.
 - c) Nộp lý lịch khoa học (theo mẫu 2)

2. Ban Thường trực Hội quyết định việc kết nạp hội viên mới. Quyết định kết nạp hội viên mới (theo mẫu 3) được công bố trong các cuộc họp của các tổ chức trực thuộc Hội. Danh sách hội viên được Hội kiểm tra định kỳ 6 tháng/1 lần.

3. Hội viên nếu không còn nguyện vọng tham gia tổ chức Hội thì viết đơn xin ra Hội (theo mẫu 4); Ban Thường trực Hội hoặc Ban Chấp Chi hội tiếp nhận đơn và thông báo cho tổ chức trực thuộc có người xin ra khỏi hội. Hội viên trong một thời gian dài không hoạt động thì Hội xem xét, xóa tên.

Chương IV **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng.
6. Các Chi hội chuyên ngành.
7. Các Ban và các tổ chức trực thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu, 5 năm tổ chức Đại hội một lần. Trong trường hợp đặc biệt, Ban Chấp hành Hội có thể triệu tập Đại hội bất thường, nếu có hơn 2/3 số ủy viên Ban Chấp hành tán thành. Đại hội của các tổ chức trực thuộc Hội 5 năm một lần. Các ủy viên Ban chấp hành Hội là đại biểu chính thức của Đại hội nhiệm kỳ mới. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 số đại biểu được triệu tập có mặt.

2. Nhiệm vụ của Đại hội:

- a) Thảo luận, thông qua báo cáo công tác của Ban Chấp hành Hội;
- b) Quyết định phương hướng và nhiệm vụ công tác của Hội cho nhiệm kỳ tiếp theo;
- c) Bầu Ban Chấp hành mới của Hội;
- d) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;
- e) Thông qua Nghị quyết đại hội. Nghị quyết được thông qua khi có hơn 50% đại biểu dự Đại hội tán thành.

3. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

e) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;

f) Giữa hai kỳ Đại hội, khi cần thiết Ban Chấp hành Hội có thể bổ sung một số ủy viên mới, nếu được hơn 2/3 số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Số lượng ủy viên được bổ sung không được quá 1/3 số ủy viên do Đại hội toàn thể (đại biểu) bầu ra.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 2 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các Ủy viên Thường vụ. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ

Đại hội. Ban Thường vụ điều hành mọi công việc của Hội giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành Hội

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội; Xem xét kết nạp hội viên mới, xét cho ra Hội, cấp thẻ hội viên, hoặc ủy quyền cho Ban Thường trực Hội; Quyết định khen thưởng và kỉ luật Hội viên và các tổ chức trực thuộc;

d) Thực hiện công tác đối nội và đối ngoại của Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp 04 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có quá bán ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường vụ có mặt dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Chi hội chuyên ngành, tổ chức trực thuộc và Văn phòng

1. Ban Thường vụ Hội quyết định thành lập hoặc giải thể các chi hội chuyên ngành. Các Chi hội chuyên ngành căn cứ Điều lệ Hội, xây dựng Quy chế hoạt động. Quy chế hoạt động của các Chi hội chuyên ngành phải được Ban Thường vụ Hội KHXH&NV phê duyệt.

2. Hội có Văn phòng, các bộ phận chuyên môn và có thể có các tổ chức dịch vụ (kinh tế, đào tạo, v.v...) phục vụ cho hoạt động của Hội. Nhân sự, chức năng và quy chế hoạt động của các tổ chức này do Ban Thường vụ Hội quyết định và báo cáo Ban Chấp hành Hội trong cuộc họp gần nhất.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số Ủy viên do Ban chấp hành hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm

tra do Ban chấp hành hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Ban chấp hành hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành và Điều lệ Hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội.

Điều 19. Tổng thư kí Hội:

Tổng Thư ký cùng với Phó Chủ tịch Thường trực là người thường trực cơ quan; điều hành công việc hàng ngày của Ban Thường vụ.

Điều 20. Việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo thành lập quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương V TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Hội phí

Hội phí là khoản tiền hội viên có trách nhiệm đóng góp làm kinh phí cho Hội hoạt động. Ban Thường trực Hội và Ban Chấp hành chi hội chuyên ngành có trách nhiệm thu hội phí. Mức đóng hội phí và tỷ lệ trích để lại và đăng nộp do Ban Chấp hành Hội quy định.

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Hội phí của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của đoàn thể, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VI **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 24. Khen thưởng

Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc, có nhiều đóng góp cho các hoạt động cũng như sự phát triển của Hội sẽ được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, Nghị quyết, quy định, quy chế hoạt động của Hội; làm tổn thương đến danh dự và uy tín của Hội thì tùy theo lỗi nặng nhẹ sẽ bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: phê bình giáo dục hoặc khai trừ ra khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo Điều lệ Hội.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Cần Thơ mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Cần Thơ có 7 Chương, 27 Điều đã được Đại hội, nhiệm kỳ 2022 - 2027 của Hội Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Cần Thơ thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2022 tại thành phố Cần Thơ và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Cần Thơ có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.